

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết Chương trình đào tạo, huấn luyện
an ninh hàng không dân dụng Việt Nam**

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2023/QH15;

Căn cứ Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 215/2026/NĐ-CP về an ninh hàng không;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết Chương trình đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không dân dụng Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không trong hoạt động hàng không dân dụng, bao gồm:

- Chương trình đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không;
- Nội dung, thời lượng, tiêu chuẩn, điều kiện đối với các loại hình đào tạo, huấn luyện;
- Trang thiết bị, dụng cụ đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không;
- Tổ chức đào tạo, huấn luyện; kiểm tra, đánh giá; cấp, công nhận chứng nhận hoàn thành đào tạo, huấn luyện;
- Phê duyệt cơ sở đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không; người đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không;
- Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với hoạt động đào tạo cấp văn bằng thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.



Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Lãnh đạo, chỉ huy lực lượng an ninh hàng không, cán bộ chiến sĩ làm công tác quản lý nhà nước về an ninh hàng không; người quản lý, chuyên viên an ninh hàng không; giám sát viên an ninh hàng không;
2. Cán bộ chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không; nhân viên kiểm soát an ninh hàng không;
3. Giám sát viên an ninh nội bộ và các đối tượng không thuộc lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;
4. Người đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không;
5. Cơ sở đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không;
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt

1. Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Chương trình đào tạo ban đầu an ninh hàng không là chương trình đào tạo cho đối tượng chưa được cấp chứng chỉ, chứng nhận đào tạo ban đầu an ninh hàng không;

b) Chương trình huấn luyện định kỳ an ninh hàng không là chương trình huấn luyện nhắc lại các kiến thức, kỹ năng đã được học và bổ sung cập nhật kiến thức mới về an ninh hàng không để người học duy trì khả năng làm việc ở vị trí đã được cấp có thẩm quyền giao;

c) Chương trình huấn luyện phục hồi là chương trình huấn luyện nhằm phục hồi các kiến thức và kỹ năng cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên làm nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không đã được đào tạo ban đầu, cập nhật bổ sung kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ, để giúp cho học viên có đủ năng lực làm việc ở vị trí công việc chuyên môn theo quy định;

d) Chương trình đào tạo chuyển loại là chương trình đào tạo nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng để chuyển loại hoặc kiêm nhiệm nghiệp vụ an ninh soi chiếu, an ninh kiểm soát, an ninh cơ động cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên làm nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không khi chuyển đổi vị trí chuyên môn;

đ) Cơ sở đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không: là cơ sở đào tạo, huấn luyện trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân được Nhà chức trách an ninh hàng không cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện lực lượng kiểm soát an ninh hàng không;

e) Thời lượng là thời gian đào tạo, huấn luyện tối thiểu được tính bằng tiết (không tính thời gian kiểm tra). Quy đổi thời gian đào tạo, huấn luyện: 01 (một) tiết lý thuyết là 45 phút; 01 (một) tiết thực hành là 60 phút;

g) Năng định là chứng nhận về năng lực chuyên môn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không đáp ứng đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ theo chức danh ghi trong giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không;

h) Người đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không là người thực hiện các hoạt động đào tạo, huấn luyện về an ninh hàng không dân dụng, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo các quy định tại Thông tư này.

2. Chữ viết tắt

- a) ANHK: An ninh hàng không
- b) ANSC: An ninh soi chiếu
- c) ANKS: An ninh kiểm soát
- d) ANCD: An ninh cơ động
- đ) HKDD: Hàng không dân dụng
- e) QLNN: Quản lý nhà nước
- g) VK, CCHT: Vũ khí, công cụ hỗ trợ
- h) VPNH: Vật phẩm nguy hiểm
- i) KSCL: Kiểm soát chất lượng

Chương II

ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN LÃNH ĐẠO, NGƯỜI QUẢN LÝ VỀ AN NINH HÀNG KHÔNG, LỰC LƯỢNG KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG VÀ GIÁM SÁT VIÊN AN NINH HÀNG KHÔNG

Mục 1. LÃNH ĐẠO, CHỈ HUY LỰC LƯỢNG AN NINH HÀNG KHÔNG, CÁN BỘ CHIẾN SĨ LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN NINH HÀNG KHÔNG; NGƯỜI QUẢN LÝ, CHUYÊN VIÊN AN NINH HÀNG KHÔNG; GIÁM SÁT VIÊN AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 4. Đào tạo ban đầu nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về quản lý ANHK. Đảm bảo đủ năng lực, phẩm chất để quản lý công tác kiểm soát ANHK, xử lý vi phạm quy định về ANHK, ứng phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD.

2. Đối tượng:

a) Lãnh đạo, chỉ huy lực lượng ANHK của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Công an địa phương có cảng hàng không; Cán bộ chiến sĩ làm công tác QLNN về ANHK của Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

b) Người chịu trách nhiệm chính về ANHK, người quản lý ANHK, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu phụ trách chuyên môn nghiệp vụ ANHK, chuyên viên ANHK của hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không,

doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động hàng không chung, doanh nghiệp cảng hàng không và người khai thác cảng.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

a) Chương trình đào tạo ban đầu nghiệp vụ quản lý ANHK dành cho đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát chung về ngành HKDD	2
2	Pháp luật về hàng không và ANHK	2
3	Khái quát về ANHK	2
4	Các nguồn lực bảo đảm ANHK	2
5	Văn hóa ANHK	2
6	Chương trình ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK	2
7	Chương trình ANHK của người khai thác cảng hàng không	2
8	Kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không	2
9	Kiểm soát an ninh nội bộ	2
10	An ninh thông tin	2
11	Quản lý rủi ro ANHK	4
12	KSCL ANHK	2
13	Đào tạo, huấn luyện ANHK	2
14	Hạ tầng, trang thiết bị, VK, CCHT trong bảo đảm ANHK	2
15	Kỹ năng chỉ huy xử lý vi phạm ANHK, ứng phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng	2
	TỔNG CỘNG	32

b) Chương trình đào tạo ban đầu nghiệp vụ quản lý ANHK dành cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát chung về ngành HKDD	2
2	Pháp luật về hàng không và ANHK	4
3	Các nguồn lực bảo đảm ANHK	2

4	Văn hóa ANHK	2
5	Chương trình ANHK của hãng hàng không Việt Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	8
6	Kiểm soát an ninh nội bộ	2
7	An ninh thông tin	2
8	Quản lý rủi ro ANHK	8
9	KSCL an ninh nội bộ	4
10	Đào tạo, huấn luyện ANHK	4
11	Hạ tầng, trang thiết bị, VK, CCHT trong bảo đảm ANHK	4
	TỔNG CỘNG	42

4. Người có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khoá học quản lý ANHK do Tổ chức HKDD quốc tế hoặc Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế cấp thì không phải tham dự các khoá đào tạo ban đầu nghiệp vụ quản lý ANHK.

Điều 5. Huấn luyện định kỳ nghiệp vụ quản lý an ninh hàng không

1. Mục tiêu: cập nhật cho học viên kiến thức, quy định mới về quản lý ANHK.

2. Đối tượng:

a) Lãnh đạo, chỉ huy lực lượng ANHK của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Công an địa phương có cảng hàng không và cán bộ chiến sĩ làm công tác QLNN về ANHK của Cục Quản lý xuất nhập cảnh đã hoàn thành khóa đào tạo ban đầu nghiệp vụ quản lý ANHK và được cấp chứng chỉ;

b) Người chịu trách nhiệm chính về ANHK, người quản lý ANHK, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu phụ trách chuyên môn nghiệp vụ ANHK, chuyên viên ANHK của hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động hàng không chung, doanh nghiệp cảng hàng không và người khai thác cảng đã hoàn thành khóa đào tạo ban đầu nghiệp vụ quản lý ANHK và được cấp chứng chỉ.

3. Chương trình huấn luyện định kỳ

a) Chương trình huấn luyện định kỳ nghiệp vụ quản lý ANHK dành cho đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Pháp luật về ANHK, hệ thống bảo đảm ANHK Việt Nam; Bối cảnh quốc tế, khu vực; tình hình khủng bố, can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD.	2

2	Chương trình ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK Chương trình ANHK của người khai thác cảng hàng không Kế hoạch khẩn nguy đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp tại cảng hàng không	4
3	Quản lý rủi ro ANHK	2
4	KSCL ANHK	2
5	Quy định về đào tạo, huấn luyện ANHK	2
	TỔNG CỘNG	12

b) Chương trình huấn luyện định kỳ nghiệp vụ quản lý ANHK dành cho đối tượng được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 5 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Pháp luật về ANHK, hệ thống bảo đảm ANHK Việt Nam; bối cảnh quốc tế, khu vực; tình hình khủng bố, can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD;	2
2	Chương trình ANHK của hãng hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	4
3	Quản lý rủi ro ANHK	2
4	KSCL ANHK	2
5	Quy định về đào tạo, huấn luyện ANHK	2
	TỔNG CỘNG	12

4. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 24 tháng tính từ ngày cấp chứng chỉ hoặc văn bản công nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 6. Đào tạo, huấn luyện giám sát viên an ninh hàng không

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về KSCL ANHK.
2. Đối tượng: CBCS Công an được dự kiến bố trí làm giám sát viên ANHK.
3. Chương trình đào tạo, huấn luyện:

a) Đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI GIAN		
		TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
1	Khái quát chung về ngành HKDD và ANHK	4	4	0
2	Pháp luật về hàng không và ANHK	4	4	0

3	Chương trình ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK và của người khai thác cảng hàng không	4	4	0
4	Chương trình ANHK hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	4	4	0
5	Kiểm soát an ninh nội bộ	2	2	0
6	Văn hóa ANHK	2	2	0
7	Đào tạo, huấn luyện ANHK	2	2	0
8	Hạ tầng, trang thiết bị, VK, CCHT trong bảo đảm ANHK	2	2	0
9	Quy định chung về KSCL ANHK	2	2	0
10	Công tác chuẩn bị tiến hành hoạt động KSCL ANHK	4	4	0
11	Phương pháp thực hiện hoạt động KSCL ANHK	4	4	0
12	Nhiệm vụ, kỹ năng của giám sát viên ANHK	2	2	0
13	Trang thiết bị hỗ trợ hoạt động KSCL ANHK	4	4	0
14	Quy trình thực hiện hoạt động KSCL ANHK	6	6	0
15	Thực tập, viết báo cáo	16	4	12
Tổng cộng		62	50	12

b) Huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI GIAN		
		TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
1	Quy định về KSCL ANHK	2	2	0
2	Phương pháp, quy trình thực hiện hoạt động KSCL ANHK	2	2	0
3	Nhiệm vụ, kỹ năng của giám sát viên ANHK	2	2	0



4	Trang thiết bị hỗ trợ hoạt động KSCL ANHK	2	2	0
5	Thực tập, viết báo cáo	8	0	8
Tổng cộng		16	8	8

4. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 24 tháng tính từ ngày cấp chứng chỉ hoặc văn bản công nhận hoàn thành khóa học trước đó.

5. Người có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học giám sát viên ANHK do Tổ chức HKDD quốc tế hoặc Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế cấp, thì:

a) Không phải tham dự đào tạo ban đầu giám sát viên ANHK;

b) Không phải tham dự huấn luyện định kỳ giám sát viên ANHK nếu năm nhận được chứng nhận, chứng chỉ là năm đến thời hạn huấn luyện định kỳ giám sát viên ANHK;

c) Thời điểm được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học giám sát viên ANHK do Tổ chức HKDD quốc tế, Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế cấp là mốc thời gian để tính thời hạn huấn luyện định kỳ tiếp theo.

Mục 2. CÁN BỘ CHIẾN SĨ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG; NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 7. Đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nhóm an ninh soi chiếu

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và chuẩn mực ứng xử; đảm bảo đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, xử lý ban đầu vi phạm quy định về ANHK, ứng phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD theo chức năng, nhiệm vụ ANSC.

2. Đối tượng:

a) Là lực lượng chuyên trách thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Công an địa phương có cảng hàng không được phân công thực hiện nhiệm vụ ANSC tại cảng hàng không;

b) Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích hoặc đang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục; đủ sức khỏe; tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên được tuyển dụng làm nhiệm vụ ANSC tại doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không, xăng dầu hàng không; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; hãng hàng không Việt Nam.

3. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANSC tại cảng hàng không dành cho đối tượng được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 7 của Thông tư này:

- Các bài học chung về hàng không:

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát chung về HKDD quốc tế	4
2	Khái quát chung về HKDD Việt Nam	4
3	Pháp luật quốc tế về hàng không và ANHK	8
4	Pháp luật quốc gia về hàng không và ANHK	8
5	Khái quát An toàn hàng không; công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ	4
6	Khái quát quy trình vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa	4
	TỔNG CỘNG	32

- Các bài học chung về ANHK

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hệ thống tổ chức bảo đảm ANHK Việt Nam	4
2	Khái quát ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK	4
3	Khái quát ANHK của người khai thác cảng hàng không và hãng hàng không Việt Nam	8
4	Khái quát ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu	8
5	Khái quát ANHK hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không	8
6	Khái quát các biện pháp kiểm soát ANHK	16
7	Phân tích hành vi	8
8	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	58

- Các bài học nghiệp vụ ANSC:

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Hàng nguy hiểm (Theo quy định của pháp luật về an toàn hàng không và IATA)	20	14	6
2	VPNH và các thủ đoạn che giấu VPNH	12	4	8
3	Khái quát trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, phương tiện bảo đảm ANHK	4	4	0
4	Kiểm tra giấy tờ hành khách đi tàu bay, người vào khu vực hạn chế	12	4	8
5	Kiểm tra trực quan, lục soát người	20	4	16
6	Kiểm tra trực quan, lục soát hành lý, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật	20	4	16
7	Kiểm tra an ninh, lục soát tàu bay, phương tiện, khu vực hạn chế	20	4	16
8	Khái quát kiểm tra soi chiếu ANHK	8	8	0
9	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng máy soi tia X	80	8	72
10	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng công từ, thiết bị soi chiếu cơ thể	16	4	12
11	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	16	4	12
12	Kiểm tra bằng thiết bị, dụng cụ phát hiện chất nổ	12	4	8
13	Kiểm tra an ninh đối tượng đặc thù	8	4	4
14	Kiểm tra ANHK ngẫu nhiên	2	2	0
15	Đồng bộ hành khách, hành lý	4	4	0
16	Xử lý vụ việc ANHK	8	4	4
17	Tác phong, giao tiếp ứng xử, kỷ luật của lực lượng kiểm soát ANHK	8	4	4
18	Thực hành xử lý tình huống ANHK bằng tiếng Anh	60	20	40
	TỔNG CỘNG	330	104	226



b) Chương trình đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANSC dành cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư này:

- Các bài học chung về hàng không

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát chung về HKDD quốc tế	4
2	Khái quát chung về HKDD Việt Nam	4
3	Pháp luật quốc tế về hàng không và ANHK	8
4	Pháp luật quốc gia về hàng không và ANHK	8
5	Khái quát An toàn hàng không; công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ	4
	TỔNG CỘNG	28

- Các bài học chung về ANHK

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hệ thống tổ chức bảo đảm ANHK Việt Nam	4
2	Khái quát ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK	4
3	Khái quát ANHK của người khai thác cảng hàng không /và hãng hàng không Việt Nam	4
4	Khái quát ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu	2
5	Khái quát ANHK hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không	2
6	Khái quát các biện pháp kiểm soát ANHK	8
7	Phân tích hành vi	4
8	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	30

- Các bài học nghiệp vụ ANSC

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	VPNH và các thủ đoạn che giấu VPNH	12	4	8
2	Khái quát trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, phương tiện bảo đảm ANHK	8	8	0
3	Kiểm tra giấy tờ người vào khu vực hạn chế	12	4	8



4	Kiểm tra trực quan, lục soát người	20	4	16
5	Kiểm tra trực quan, lục soát đồ vật	20	4	16
6	Kiểm tra an ninh, lục soát phương tiện, khu vực hạn chế	20	4	16
7	Khái quát kiểm tra soi chiếu ANHK	8	8	0
8	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng máy soi tia X	80	8	72
9	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng công từ	16	4	12
10	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	16	4	12
11	Kiểm tra bằng thiết bị, dụng cụ phát hiện chất nổ	12	4	8
12	Kiểm tra an ninh đối tượng đặc thù	8	4	4
13	Kiểm tra ANHK ngẫu nhiên	2	2	0
14	Đồng bộ hành khách, hành lý	4	4	0
15	Xử lý vụ việc ANHK	8	4	4
16	Kỹ năng tự vệ	56	4	52
17	Tác phong, giao tiếp ứng xử, kỷ luật của lực lượng kiểm soát ANHK	8	4	4
TỔNG CỘNG		310	78	232

4. Người có văn bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên ngành Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, chuyên ngành Bảo đảm an ninh hàng không hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng nghề kiểm tra ANHK chỉ phải đào tạo bổ sung các nội dung còn thiếu để được cấp chứng chỉ ANSC.

Điều 8. Đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nhóm an ninh kiểm soát

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và chuẩn mực ứng xử; đảm bảo đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, xử lý ban đầu vi phạm quy định về ANHK, ứng phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD theo chức năng, nhiệm vụ ANKS.

2. Đối tượng:

a) Là lực lượng chuyên trách thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Công an địa phương có cảng hàng không được phân công thực hiện nhiệm vụ ANKS tại cảng hàng không;

b) Là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích hoặc đang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục;

đủ sức khỏe; tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên được tuyển dụng làm nhiệm vụ ANKS tại doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không, xăng dầu hàng không; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; hãng hàng không Việt Nam.

3. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANKS tại cảng hàng không dành cho đối tượng được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 8 của Thông tư này:

- Các bài học chung về hàng không:

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát chung về HKDD quốc tế	4
2	Khái quát chung về HKDD Việt Nam	4
3	Pháp luật quốc tế về hàng không và ANHK	8
4	Pháp luật quốc gia về hàng không và ANHK	8
5	Khái quát An toàn hàng không; công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ	4
6	Khái quát quy trình vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa	4
	TỔNG CỘNG	32

- Các bài học chung về ANHK

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hệ thống tổ chức bảo đảm ANHK Việt Nam	4
2	Khái quát ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK	4
3	Khái quát ANHK của người khai thác cảng hàng không và hãng hàng không Việt Nam	8
4	Khái quát ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu	8
5	Khái quát ANHK hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không	8
6	Khái quát các biện pháp kiểm soát ANHK	16
7	Phân tích hành vi	8
8	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	58

- Các bài học nghiệp vụ ANKS:

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	VPNH và các thủ đoạn che giấu VPNH	12	4	8
2	Khái quát trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, phương tiện bảo đảm ANHK	4	4	0
3	Kiểm tra giấy tờ hành khách, người vào khu vực hạn chế	12	4	8
4	Kiểm tra trực quan, lục soát người	20	4	16
5	Kiểm tra trực quan, lục soát hành lý, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật	20	4	16
6	Kiểm tra an ninh, lục soát tàu bay, phương tiện, khu vực hạn chế	20	4	16
7	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng công từ, thiết bị soi chiếu cơ thể	4	1	3
8	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	4	1	3
9	Kiểm tra bằng thiết bị, dụng cụ phát hiện chất nổ	12	4	8
10	Kiểm tra an ninh đối tượng đặc thù	4	4	0
11	Kiểm tra ANHK ngẫu nhiên	2	2	0
12	Bảo vệ tàu bay, công trình hàng không, tài sản giá trị cao	8	2	6
13	Tuần tra ANHK	20	4	16
14	Giám sát ANHK	32	8	24
15	Xử lý vụ việc ANHK	8	4	4
16	Đảm bảo an ninh chuyên cơ; hộ tống, bảo vệ hàng đặc biệt	8	4	4
17	Tác phong, giao tiếp ứng xử, kỷ luật của lực lượng kiểm soát ANHK	8	4	4
18	Thực hành xử lý tình huống ANHK bằng tiếng Anh	40	20	20
	TỔNG CỘNG	238	82	156

b) Chương trình đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANKS dành cho đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này:

- Các bài học chung về hàng không

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát chung về HKDD quốc tế	4
2	Khái quát chung về HKDD Việt Nam	4
3	Pháp luật quốc tế về hàng không và ANHK	8
4	Pháp luật quốc gia về hàng không và ANHK	8
5	Khái quát An toàn hàng không; công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ	4
	TỔNG CỘNG	28

- Các bài học chung về ANHK

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hệ thống tổ chức bảo đảm ANHK Việt Nam	4
2	Khái quát ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK	4
3	Khái quát ANHK của người khai thác cảng hàng không /và hãng hàng không Việt Nam	4
4	Khái quát ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu	2
5	Khái quát ANHK hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không	2
6	Khái quát các biện pháp kiểm soát ANHK	8
7	Phân tích hành vi	4
8	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	30

- Các bài học nghiệp vụ ANKS

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	VPNH và các thủ đoạn che giấu VPHN	8	8	0
2	Khái quát trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, phương tiện bảo đảm ANHK	4	4	0
3	Kiểm tra giấy tờ người vào khu vực hạn chế	4	2	2



4	Kiểm tra trực quan, lục soát người	4	2	2
5	Kiểm tra trực quan, lục soát đồ vật	4	2	2
6	Kiểm tra an ninh, lục soát phương tiện, khu vực hạn chế	8	4	4
7	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng công từ	4	1	3
8	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	4	1	3
9	Kiểm tra bằng thiết bị, dụng cụ phát hiện chất nổ	12	4	8
10	Tuần tra ANHK	20	4	16
11	Giám sát ANHK	32	8	24
12	Xử lý vụ việc ANHK	8	4	4
13	Kỹ năng tự vệ	56	4	52
14	Tác phong, giao tiếp ứng xử, kỷ luật của lực lượng kiểm soát ANHK	8	4	4
	TỔNG CỘNG	176	52	124

4. Người có văn bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên ngành Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, chuyên ngành Bảo đảm an ninh hàng không hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng nghề kiểm tra ANHK chỉ phải đào tạo bổ sung các nội dung còn thiếu để được cấp chứng chỉ ANKS.

Điều 9. Đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nhóm an ninh cơ động

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và chuẩn mực ứng xử; đảm bảo đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, xử lý ban đầu vi phạm quy định về ANHK, ứng phó ban đầu với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD theo chức năng, nhiệm vụ ANCD.

2. Đối tượng: Là lực lượng chuyên trách thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Công an địa phương có cảng hàng không được phân công thực hiện nhiệm vụ an ninh cơ động tại cảng hàng không.

3. Chương trình đào tạo ban đầu lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANCD tại cảng hàng không dành cho đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này:

- Các bài học chung về hàng không:

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát chung về HKDD quốc tế	4
2	Khái quát chung về HKDD Việt Nam	4
3	Pháp luật quốc tế về hàng không và ANHK	8
4	Pháp luật quốc gia về hàng không và ANHK	8
5	Khái quát An toàn hàng không; công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ	4
6	Khái quát quy trình vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa	4
	TỔNG CỘNG	32

- Các bài học chung về ANHK

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hệ thống tổ chức bảo đảm ANHK Việt Nam	4
2	Khái quát ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK	4
3	Khái quát ANHK của người khai thác cảng hàng không và hãng hàng không Việt Nam	8
4	Khái quát ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu	8
5	Khái quát ANHK hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không	8
6	Khái quát các biện pháp kiểm soát ANHK	16
7	Phân tích hành vi	8
8	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	58

- Các bài học nghiệp vụ ANCD

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	VPNH và các thủ đoạn che giấu VPHH	12	4	8
2	Khái quát trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, phương tiện bảo đảm ANHK	4	4	0

3	Kiểm tra trực quan, lục soát người	4	2	2
4	Kiểm tra trực quan, lục soát hành lý, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật	20	4	16
5	Kiểm tra an ninh, lục soát tàu bay, phương tiện, khu vực hạn chế	20	4	16
6	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	4	1	3
7	Kiểm tra bằng thiết bị, dụng cụ phát hiện chất nổ	12	4	8
8	Tuần tra ANHK	20	4	16
9	Xử lý vụ việc ANHK	32	4	28
10	Ứng phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	12	4	8
11	Đảm bảo an ninh chuyên cơ; hộ tống, bảo vệ hàng đặc biệt	8	8	0
12	Tác phong, giao tiếp ứng xử, kỷ luật của lực lượng kiểm soát ANHK	8	4	4
13	Thực hành xử lý tình huống ANHK bằng tiếng Anh	40	20	20
TỔNG CỘNG		196	67	129

4. Người có văn bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên ngành Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, chuyên ngành Bảo đảm an ninh hàng không hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng nghề kiểm tra ANHK chỉ phải đào tạo bổ sung các nội dung còn thiếu để được cấp chứng chỉ ANCD.

Điều 10. Huấn luyện định kỳ lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nhóm an ninh soi chiếu

1. Mục tiêu: cập nhật cho học viên kiến thức, quy định mới và thực hành nâng cao kỹ năng nghiệp vụ ANSC.

2. Đối tượng:

a) Cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ ANSC tại cảng hàng không đã hoàn thành khóa đào tạo ban đầu nhóm ANSC và đã được cấp chứng chỉ;

b) Nhân viên làm nhiệm vụ ANSC của các doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không, xăng dầu hàng không; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; hãng hàng không Việt Nam đã hoàn thành khóa đào tạo ANSC ban đầu và đã được cấp chứng chỉ.

3. Chương trình huấn luyện

a) Chương trình huấn luyện định kỳ lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANSC tại cảng hàng không dành cho đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến công tác đảm bảo ANHK.	2	2	0
2	Các mối đe dọa ANHK	2	2	0
3	Kiểm tra giấy tờ hành khách, người vào khu vực hạn chế; giấy tờ hàng hóa, bưu gửi	2	0	2
4	Kiểm tra trực quan, lục soát người, đồ vật	4	0	4
5	Hàng nguy hiểm (Theo quy định của pháp luật về an toàn hàng không và IATA)	12	6	6
6	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng máy soi tia X	4	0	4
7	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	4	0	4
8	Kiểm tra bằng thiết bị phát hiện chất nổ	2	0	2
9	Kiểm tra an ninh đối tượng đặc thù	2	0	2
10	Xử lý vụ việc vi phạm ANHK	2	2	0
	TỔNG CỘNG	36	12	24

b) Chương trình huấn luyện định kỳ lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANSC dành cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến công tác đảm bảo ANHK	2	2	0
2	Các mối đe dọa ANHK	2	2	0
3	Kiểm tra giấy tờ người vào khu vực hạn chế	2	0	2
4	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng máy soi tia X; kiểm tra, nhận biết VPNH bằng cổng từ	8	0	8

5	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	4	0	4
6	Kiểm tra bằng thiết bị phát hiện chất nổ	2	0	2
7	Kiểm tra trực quan, lục soát ANHK	2	0	2
8	Xử lý vụ việc vi phạm ANHK	2	2	0
	TỔNG CỘNG	24	6	18

Điều 11. Huấn luyện định kỳ lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nhóm an ninh kiểm soát

1. Mục tiêu: cập nhật cho học viên kiến thức, quy định mới và thực hành nâng cao kỹ năng nghiệp vụ ANKS.

2. Đối tượng:

a) Cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ ANKS tại cảng hàng không đã hoàn thành khóa đào tạo ban đầu nhóm ANKS và đã được cấp chứng chỉ;

b) Nhân viên làm nhiệm vụ ANKS của các doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không, xăng dầu hàng không; doanh nghiệp sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, thiết bị tàu bay; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu; hãng hàng không Việt Nam đã hoàn thành khóa đào tạo ANKS ban đầu và đã được cấp chứng chỉ.

3. Chương trình huấn luyện

a) Chương trình huấn luyện định kỳ lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANKS tại cảng hàng không dành cho đối tượng được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 11 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến công tác đảm bảo ANHK.	2	2	0
2	Các mối đe dọa ANHK	2	2	0
3	Kiểm tra giấy tờ hành khách, người vào khu vực hạn chế	2	0	2
4	Kiểm tra trực quan, lục soát	4	0	4
5	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng công cụ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	4	0	4
6	Kiểm tra bằng thiết bị phát hiện chất nổ	2	0	2

7	Kiểm tra, giám sát ANHK khu vực hạn chế; tuần tra ANHK	4	0	4
8	Xử lý vụ việc vi phạm ANHK	2	0	2
9	Bảo vệ tàu bay	2	0	2
	TỔNG CỘNG	24	4	16

b) Chương trình huấn luyện định kỳ lực lượng kiểm soát ANHK nhóm ANKS dành cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Thông tư này:

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến công tác đảm bảo ANHK	2	2	0
2	Các mối đe dọa ANHK	2	2	0
3	Kiểm tra giấy tờ người ra, vào cơ quan, đơn vị	2	0	2
4	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay; kiểm tra trực quan, lực soát ANHK	4	0	4
5	Kiểm tra bằng thiết bị phát hiện chất nổ	2	0	2
6	Kiểm tra, giám sát ANHK khu vực hạn chế; tuần tra ANHK	2	0	2
7	Xử lý vụ việc vi phạm ANHK	2	2	0
8	Tác phong, giao tiếp ứng xử, kỷ luật của lực lượng kiểm soát ANHK	4	0	4
9	Kỹ năng tự vệ	24	0	24
	TỔNG CỘNG	44	6	38

Điều 12. Huấn luyện định kỳ lực lượng kiểm soát an ninh hàng không nhóm an ninh cơ động

1. Mục tiêu: cập nhật cho học viên kiến thức, quy định mới và thực hành nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của nhân viên ANCD.

2. Đối tượng: Cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ ANCD tại cảng hàng không đã hoàn thành khóa đào tạo ban đầu nhóm ANCD và đã được cấp chứng chỉ.

3. Chương trình huấn luyện định kỳ dành cho đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư này:

Lưu

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến công tác đảm bảo ANHK	2	2	0
2	Các mối đe dọa ANHK	2	2	0
3	Kiểm tra giấy tờ hành khách, người vào khu vực hạn chế	2	0	2
4	Kiểm tra trực quan, lục soát	4	0	4
5	Kiểm tra, nhận biết VPNH bằng thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	2	0	2
6	Kiểm tra bằng thiết bị phát hiện chất nổ	2	0	2
7	Xử lý vụ việc vi phạm ANHK	2	0	2
8	Luyện tập quy trình ứng phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	8	0	8
9	Tác phong, giao tiếp ứng xử, kỷ luật của lực lượng kiểm soát ANHK	4	0	4
	TỔNG CỘNG	28	4	24

Điều 13. Thời hạn huấn luyện định kỳ

Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên làm nhiệm vụ ANSC, ANKS và ANCD phải được huấn luyện định kỳ trong thời gian không quá 12 tháng tính từ ngày cấp chứng chỉ hoặc văn bản công nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 14. Huấn luyện phục hồi nghiệp vụ an ninh hàng không

1. Mục tiêu: phục hồi các kiến thức và kỹ năng cho học viên đã được đào tạo ban đầu, cập nhật bổ sung kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ, để giúp cho học viên có đủ năng lực làm việc ở vị trí công việc chuyên môn theo quy định.

2. Đối tượng, nội dung, thời lượng huấn luyện

a) Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên làm nhiệm vụ kiểm soát ANHK không phát hiện VPNH được mang trái phép vào khu vực hạn chế, lên tàu bay trong khi thực hiện nhiệm vụ phải được huấn luyện phục hồi các bài học liên quan đến VPNH và các thủ đoạn che giấu VPNH, kiểm tra nhận biết VPNH bằng thiết bị ANHK và bằng trực quan, lục soát ANHK;

Lead

b) Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên làm nhiệm vụ kiểm soát ANHK không thực hiện nhiệm vụ theo năng định đã được cấp liên tục trên 6 tháng phải được huấn luyện phục hồi theo nội dung và thời lượng huấn luyện định kỳ được quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Thông tư này.

Điều 15. Đào tạo chuyển loại nghiệp vụ an ninh hàng không

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng để chuyển loại hoặc kiêm nhiệm nghiệp vụ ANSC, ANKS, ANCD.

2. Đối tượng, nội dung, thời lượng đào tạo

a) Đối tượng: cán bộ, chiến sĩ, nhân viên làm nhiệm vụ kiểm soát ANHK đã hoàn thành chương trình đào tạo ban đầu cần chuyển đổi hoặc bổ sung vị trí chuyên môn (nghiệp vụ ANSC cần chuyển loại sang nghiệp vụ ANCD hoặc ANKS; nghiệp vụ ANCD cần chuyển loại sang nghiệp vụ ANSC hoặc nghiệp vụ ANKS; nghiệp vụ ANKS cần chuyển loại sang nghiệp vụ ANSC hoặc ANCD);

b) Nội dung: các bài học nghiệp vụ ANSC, ANKS, ANCD quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 9 của Thông tư này tương ứng loại nghiệp vụ (ANSC, ANKS, ANCD) dự kiến đề nghị chuyển loại; học viên được miễn học lại những bài học có nội dung giống với bài đã học và thời lượng bằng hoặc ít hơn thời lượng của bài đã học.

Mục 3. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN

Điều 16. Cơ sở đào tạo, huấn luyện

Đối tượng quy định tại Mục 1, Mục 2 Chương này phải được đào tạo, huấn luyện tại cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.

Điều 17. Giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK có nhu cầu đào tạo, huấn luyện các chương trình quy định tại Mục 1, Mục 2 Chương này phải tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện phù hợp với từng loại đối tượng theo quy định tại Phụ lục 04 của Thông tư này.

2. Nội dung giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện lực lượng kiểm soát ANHK phải đảm bảo đúng quy định tại Thông tư này, tiêu chuẩn, khuyến nghị thực hành của Tổ chức HKDD quốc tế tại Phụ ước của Công ước Chi-ca-go về Hàng không dân dụng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện của các chương trình đào tạo, huấn luyện quy định tại khoản 1 Điều này là tài liệu ANHK hạn chế. Trường hợp giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện có thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước thì phải thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 18. Người đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Người đào tạo, huấn luyện ANHK đào tạo, huấn luyện các chương trình quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này phải là người có năng lực và trình độ tốt, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ANHK tối thiểu 05 năm.

2. Người đào tạo, huấn luyện ANHK đào tạo, huấn luyện các bài học chung về hàng không của các chương trình quy định tại Mục 2 Chương II của Thông tư này phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan đến nội dung đào tạo, huấn luyện tối thiểu 02 năm.

3. Người đào tạo, huấn luyện các bài học chung về ANHK và các bài học nghiệp vụ ANSC, ANKS, ANCD thuộc các chương trình quy định tại Mục 2 Chương II của Thông tư này phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Người đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ ANSC phải có kinh nghiệm đào tạo, huấn luyện hoặc làm việc tối thiểu 05 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên môn về ANSC; người đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ ANKS và ANCD phải có kinh nghiệm đào tạo, huấn luyện hoặc làm việc tối thiểu 05 năm trở lên trong lĩnh vực ANHK hoặc lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến ANHK;

b) Có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học phù hợp với nội dung đào tạo, huấn luyện;

c) Có văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ hoàn thành khóa học theo quy định tại Điều 39 của Thông tư này hoặc chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, huấn luyện người đào tạo, huấn luyện ANHK của Tổ chức HKDD quốc tế, Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế.

Điều 19. Thiết bị, dụng cụ đào tạo, huấn luyện thực hành

1. Thiết bị, dụng cụ đào tạo, huấn luyện thực hành nghiệp vụ kiểm soát ANHK gồm:

a) Phần mềm đào tạo, huấn luyện an ninh soi chiếu;

b) Máy soi chiếu tia X;

c) Cổng từ;

d) Máy phát hiện kim loại cầm tay;

đ) Thiết bị phát hiện chất nổ;

e) Gương soi găm ô tô;

g) Mẫu, mô hình vũ khí, chất nổ, VPNH;

h) Hệ thống camera giám sát;

i) Các thiết bị liên quan đến nội dung đào tạo, huấn luyện, học tập.

2. Thiết bị, dụng cụ đào tạo, huấn luyện thực hành nghiệp vụ kiểm soát ANHK phải đáp ứng quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết chương trình ANHK và KSCL ANHK Việt Nam.

3. Thiết bị thực hành đối với chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ ANHK, giám sát viên ANHK phải phù hợp với nội dung thực hành.

Điều 20. Kiểm tra, cấp chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học

1. Kiểm tra

a) Kiểm tra lý thuyết được thực hiện bằng một trong các hình thức trắc nghiệm hoặc viết. Kiểm tra thực hành được thực hiện bằng các phương tiện, trang thiết bị, cơ sở sẵn có hoặc các phần mềm mô phỏng, giả định hoặc vấn đáp đảm bảo phù hợp với bài học cụ thể;

b) Kiểm tra kết thúc bài học: học viên tham dự chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu nhân viên kiểm soát ANHK phải làm bài kiểm tra khi kết thúc từng bài học. Thời gian kiểm tra phù hợp với phân phối thời lượng từng nội dung, đảm bảo thời gian kiểm tra tối thiểu 15 phút (không áp dụng hình thức kiểm tra tự luận);

c) Kiểm tra kết thúc khóa học: học viên tham dự chương trình đào tạo, huấn luyện phải làm bài kiểm tra khi kết thúc khóa học phù hợp với thời lượng từng khóa học, thời gian kiểm tra tối thiểu 30 phút đối với phương thức trắc nghiệm lý thuyết hoặc tối thiểu 120 phút đối với phương thức tự luận lý thuyết, thời gian kiểm tra tối thiểu 120 phút đối với nội dung thực hành;

d) Điểm kiểm tra: điểm kiểm tra lý thuyết, điểm kiểm tra thực hành được tính theo thang điểm 100. Học viên đạt kết quả kiểm tra kết thúc bài học và kết quả kiểm tra kết thúc khóa học từ 80 điểm trở lên cho mỗi phần kiểm tra lý thuyết và thực hành được công nhận hoàn thành khóa học.

2. Cấp chứng chỉ, chứng nhận

a) Học viên hoàn thành các khóa đào tạo, huấn luyện ban đầu ANHK quy định tại mục 1 Chương II của Thông tư này được cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Học viên hoàn thành các khóa đào tạo, huấn luyện ban đầu và đào tạo, huấn luyện chuyển loại nhân viên kiểm soát ANHK quy định tại mục 2 Chương II của Thông tư này được cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK cấp chứng chỉ chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Học viên hoàn thành các khóa đào tạo, huấn luyện định kỳ ANHK quy định tại mục 1 và mục 2 Chương II của Thông tư này được chứng nhận bằng văn bản của thủ trưởng cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK.

Điều 21. Hồ sơ đào tạo, huấn luyện

1. Thành phần hồ sơ đào tạo ban đầu quy định tại mục 1 Chương II của Thông tư này bao gồm:

a) Kết quả kiểm tra kết thúc khóa học;

b) Quyết định của thủ trưởng cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK công nhận học viên hoàn thành khóa học;

c) Chứng chỉ hoàn thành khóa học (bản sao).

2. Thành phần hồ sơ đào tạo ban đầu quy định tại mục 2 Chương II của Thông tư này bao gồm:

a) Kết quả kiểm tra từng bài học, kết thúc khóa học;

b) Quyết định của thủ trưởng cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK công nhận học viên hoàn thành khóa học;

c) Chứng chỉ hoàn thành khóa học (bản sao).

3. Thành phần hồ sơ huấn luyện định kỳ quy định tại mục 1, mục 2 Chương II của Thông tư này bao gồm:

a) Kết quả kiểm tra kết thúc khóa học;

b) Quyết định của thủ trưởng cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK công nhận học viên hoàn thành khóa học.

Chương III

ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN GIÁM SÁT VIÊN AN NINH NỘI BỘ VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG THUỘC LỰC LƯỢNG KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Mục 1. GIÁM SÁT VIÊN AN NINH NỘI BỘ

Điều 22. Đào tạo, huấn luyện giám sát viên an ninh nội bộ

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ về KSCL ANHK.

2. Đối tượng: người được lựa chọn làm giám sát viên an ninh nội bộ của doanh nghiệp có chương trình ANHK.

3. Chương trình đào tạo, huấn luyện

a) Đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI GIAN		
		TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
1	Khái quát chung về ngành HKDD và ANHK	2	2	0
2	Pháp luật về hàng không và ANHK	2	2	0
3	Chương trình ANHK của đơn vị kiểm soát ANHK và của người khai thác cảng hàng không	2	2	0
4	Chương trình ANHK hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	4	4	0

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI GIAN		
		TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
5	Kiểm soát an ninh nội bộ	2	2	0
6	Văn hóa ANHK	2	2	0
7	Đào tạo, huấn luyện ANHK	2	2	0
8	Hạ tầng, trang thiết bị, VK, CCHT trong bảo đảm ANHK	2	2	0
9	Quy định chung về KSCL ANHK	2	2	0
10	Công tác chuẩn bị tiến hành hoạt động KSCL ANHK	2	2	0
11	Phương pháp thực hiện hoạt động KSCL ANHK	2	2	0
12	Nhiệm vụ, kỹ năng của giám sát viên an ninh nội bộ	2	2	0
13	Trang thiết bị hỗ trợ hoạt động KSCL ANHK	2	2	0
14	Quy trình thực hiện hoạt động KSCL ANHK	4	4	0
15	Thực tập, viết báo cáo	16	4	12
Tổng cộng		42	30	12

b) Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI GIAN		
		TỔNG SỐ	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
1	Quy định về KSCL ANHK	2	2	0
2	Phương pháp, quy trình thực hiện hoạt động KSCL ANHK	2	2	0
3	Nhiệm vụ, kỹ năng của giám sát viên an ninh nội bộ	2	2	0
4	Trang thiết bị hỗ trợ hoạt động KSCL ANHK	2	2	0
5	Thực tập, viết báo cáo	8	0	8
Tổng cộng		16	8	8

4. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 24 tháng tính từ ngày ghi trong chứng chỉ hoàn thành khóa học trước đó.

5. Người có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học giám sát viên ANHK do Tổ chức HKDD quốc tế hoặc Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế cấp, thì:

- a) Không phải tham dự đào tạo ban đầu giám sát viên an ninh nội bộ;
- b) Không phải tham dự khóa huấn luyện định kỳ giám sát viên an ninh nội bộ nếu năm nhận được chứng nhận, chứng chỉ là năm đến thời hạn huấn luyện định kỳ giám sát viên an ninh nội bộ;
- c) Thời điểm được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học giám sát viên ANHK do Tổ chức HKDD quốc tế, Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế cấp là mốc thời gian để tính thời hạn huấn luyện định kỳ tiếp theo.

Mục 2. NHÂN VIÊN HÃNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Điều 23. Đào tạo, huấn luyện thành viên tổ lái, tiếp viên hàng không

1. Mục tiêu: trang bị cho tổ bay kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến nhiệm vụ thực hiện chuyến bay.

2. Đối tượng: thành viên tổ lái, tiếp viên hàng không của các hãng hàng không Việt Nam.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Hiểu biết chung về ANHK	2	2	0
2	Chương trình ANHK của hãng hàng không	4	4	0
3	Bảo đảm an ninh đối với hành khách; hàng hóa, bưu gửi, đồ vật đưa lên tàu bay; bảo vệ tàu bay tại sân đỗ	2	2	0
4	VPNH	2	2	0
5	Thủ tục ANHK chuyến bay	2	2	0
6	Kiểm tra an ninh, lục soát tàu bay	6	2	4
7	Xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK	6	2	4
8	Đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	12	2	10
9	Kỹ năng tự vệ	16	2	14
10	Văn hóa ANHK	2	2	0

Luc

11	Nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình thực hiện nhiệm vụ của tiếp viên trưởng trong bảo đảm ANHK trên chuyến bay	4	4	0
12	Nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình thực hiện nhiệm vụ của lái chính trong bảo đảm ANHK trên chuyến bay	4	4	0
TỔNG CỘNG		62	30	32

4. Chương trình huấn luyện định kỳ dành cho thành viên tổ lái, tiếp viên hàng không:

SỐ TT	BÀI HỌC	THỜI LƯỢNG (TIẾT)		
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành
1	Quy định của pháp luật về ANHK; chương trình ANHK của hãng hàng không	1	1	0
2	Bảo đảm an ninh đối với hành khách; hàng hóa, bưu gửi, đồ vật đưa lên tàu bay; bảo vệ tàu bay tại cảng hàng không	1	1	0
3	VPNH	2	2	0
4	Kiểm tra an ninh, lục soát tàu bay; xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK	2	2	0
5	Đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2	2	0
6	Kỹ năng tự vệ	8	0	8
7	Nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình thực hiện nhiệm vụ của tiếp viên trưởng trong bảo đảm ANHK trên chuyến bay	2	2	0
8	Nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình thực hiện nhiệm vụ của lái chính trong bảo đảm ANHK trên chuyến bay	2	2	0
TỔNG CỘNG		20	12	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 12 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 24. Đào tạo, huấn luyện người quản lý, nhân viên chuyên trách về an ninh hàng không, người giám sát, quản lý khai thác, điều độ, trưởng đại diện và nhân viên điều hành mặt đất của hãng hàng không Việt Nam

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK liên quan đến nhiệm vụ được giao.

2. Đối tượng: người quản lý, nhân viên chuyên trách về ANHK, người giám sát, quản lý khai thác, điều độ, trưởng đại diện và nhân viên điều hành mặt đất của hãng hàng không Việt Nam.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK	4
2	Chương trình ANHK của hãng hàng không	2
3	Bảo đảm an ninh đối với hành khách, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật đưa lên tàu bay, bảo vệ tàu bay tại sân đỗ	2
4	VPNH	2
5	Chương trình ANHK của người khai thác cảng hàng không	2
6	Xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK	2
7	Đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
8	Kiểm soát an ninh nội bộ	2
9	KSCL ANHK	2
11	Thủ tục ANHK chuyển bay	2
12	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	24

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK; chương trình ANHK của hãng hàng không; chương trình ANHK của người khai thác cảng hàng không	2
2	Bảo đảm an ninh đối với hành khách, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật đưa lên tàu bay; bảo vệ tàu bay tại cảng hàng không; VPNH	2

3	Kiểm tra an ninh, lục soát tàu bay; xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK; đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
4	KSCL; quản lý rủi ro ANHK; thủ tục ANHK chuyển bay	2
	TỔNG CỘNG	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Mục 3. NHÂN VIÊN HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

Điều 25. Đào tạo, huấn luyện người giám sát, quản lý khai thác, điều độ, trưởng đại diện và nhân viên điều hành mặt đất của hãng hàng không nước ngoài

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK liên quan đến nhiệm vụ được giao.

2. Đối tượng: người giám sát, quản lý khai thác, điều độ, trưởng đại diện và nhân viên điều hành mặt đất của hãng hàng không nước ngoài.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Khái quát pháp luật về hàng không và ANHK Việt Nam	2
2	Phối hợp với nhà chức trách, các cơ quan, đơn vị trong xử lý vi phạm ANHK, quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh; khẩn nguy, ứng phó can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
3	Thủ tục ANHK chuyển bay	2
4	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	8

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG
1	Các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến công tác đảm bảo ANHK.	4

2	Phối hợp với nhà chức trách, các cơ quan, đơn vị tại Việt Nam trong xử lý vi phạm ANHK, quản lý hành khách bị từ chối nhập cảnh; khẩn nguy, ứng phó can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD.	2
3	Thủ tục ANHK chuyển bay	2
TỔNG CỘNG		8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Mục 4. NHÂN VIÊN DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ

Điều 26. Đào tạo, huấn luyện nhân viên phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không, nhân viên vệ sinh tàu bay, trực ban của người khai thác cảng hàng không

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến nhiệm vụ phục vụ chuyển bay.

2. Đối tượng

a) Nhân viên phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không;

b) Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không của người khai thác cảng hàng không;

c) Trực ban; người quản lý, nhân viên giám sát an toàn sân đỗ tàu bay của người khai thác cảng hàng không;

d) Nhân viên vệ sinh tàu bay của người khai thác cảng hàng không.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	2
2	Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không (đối với nhân viên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không); chương trình ANHK của người khai thác cảng hàng không (đối với nhân viên của người khai thác cảng hàng không)	2
3	Bảo đảm an ninh đối với hành khách, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật đưa lên tàu bay; bảo vệ tàu bay tại sân đỗ; thủ tục ANHK chuyển bay	2
4	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
5	Phối hợp thực hiện chương trình ANHK cảng hàng không	2

6	Xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK	2
7	Đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
8	Văn hóa ANHK	2
TỔNG CỘNG		16

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK; Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không (đối với nhân viên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không); chương trình ANHK của người khai thác cảng hàng không (đối với nhân viên của người khai thác cảng hàng không)	4
2	Bảo đảm an ninh đối với hành khách, hàng hóa, bưu gửi, đồ vật đưa lên tàu bay; bảo vệ tàu bay tại cảng hàng không; thủ tục ANHK chuyển bay	2
3	VPNH; người và đồ vật khả nghi; xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK; đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
TỔNG CỘNG		8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 27. Đào tạo, huấn luyện nhân viên sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay.

2. Đối tượng: nhân viên sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay tại cảng hàng không.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	4
2	Chương trình ANHK doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay	4

3	VPNH; người và đồ vật khả nghi	4
4	Phối hợp thực hiện chương trình ANHK cảng hàng không; kế hoạch khẩn nguy cảng hàng không	2
5	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	16

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK; chương trình ANHK doanh nghiệp sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, thiết bị tàu bay	4
2	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
3	Xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK; đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
	TỔNG CỘNG	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 28. Đào tạo, huấn luyện nhân viên bảo đảm hoạt động bay

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến nhiệm vụ.

2. Đối tượng:

- a) Nhân viên không lưu;
- b) Nhân viên thông báo tin tức hàng không;
- c) Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không (của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu);
- d) Nhân viên khí tượng hàng không;
- đ) Nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không dân dụng.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	2
2	Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu	4
3	Ứng phó can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	4

4	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
5	Thực hiện chương trình ANHK, kế hoạch khẩn nguy của người khai thác cảng hàng không	2
6	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	16

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK; chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu (hoặc chương trình ANHK cảng hàng không)	4
2	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
3	Xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK; đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
	TỔNG CỘNG	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 29. Đào tạo, huấn luyện người quản lý, nhân viên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa.

2. Đối tượng: người quản lý, giám sát và nhân viên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế và nhà ga, kho hàng hóa.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	4
2	Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa	4
3	Ứng phó can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
4	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2

5	Phối hợp thực hiện chương trình ANHK, kế hoạch khẩn nguy của người khai thác cảng hàng không	2
6	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	16

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK; Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa	4
2	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
3	Xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK; đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
	TỔNG CỘNG	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 30. Đào tạo, huấn luyện người quản lý, nhân viên doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không.

2. Đối tượng: người quản lý, giám sát và nhân viên doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	4
2	Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không	4
3	Ứng phó can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
4	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
5	Phối hợp thực hiện chương trình ANHK, kế hoạch khẩn nguy của người khai thác cảng hàng không	2
6	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	16

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK; Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng không	4
2	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
3	Xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK; đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
	TỔNG CỘNG	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 31. Đào tạo, huấn luyện người quản lý, nhân viên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến nhiệm vụ cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay.

2. Đối tượng:

a) Nhân viên vệ sinh tàu bay của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay;

b) Người quản lý, giám sát của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	4
2	Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay	2
3	Trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của người quản lý, giám sát, nhân viên trong bảo đảm ANHK	2
4	Phối hợp ứng phó can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
5	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
6	Phối hợp thực hiện chương trình ANHK của người khai thác cảng hàng không	2
7	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	16

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Quy định của pháp luật về ANHK; Chương trình ANHK doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay	4
2	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
3	Phối hợp xử lý vụ việc, vi phạm quy định về ANHK; đối phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động HKDD	2
	TỔNG CỘNG	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 32. Đào tạo, huấn luyện người quản lý, nhân viên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan đến nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bưu chính qua đường hàng không.

2. Đối tượng: người quản lý, giám sát và nhân viên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính qua đường hàng không.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	2
2	Chuỗi cung ứng dịch vụ bảo đảm ANHK; an ninh hãng hàng không; an ninh cảng hàng không	2
3	VPNH, thủ đoạn che giấu; người và đồ vật khả nghi	2
4	Nhiệm vụ quản lý và giám sát ANHK đối với dịch vụ	2
	TỔNG CỘNG	8

4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	1
2	Chuỗi cung ứng dịch vụ bảo đảm ANHK; an ninh hãng hàng không; an ninh cảng hàng không	1

3	VPNH, thủ đoạn che giấu; người và đồ vật khả nghi	1
4	Nhiệm vụ quản lý và giám sát ANHK đối với dịch vụ	1
	TỔNG CỘNG	4

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Điều 33. Đào tạo, huấn luyện người làm việc thường xuyên trong khu vực hạn chế

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức cần thiết về ANHK và cách thức xử lý tình huống về ANHK có liên quan trong khu vực hạn chế.

2. Đối tượng:

a) Nhân viên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không làm việc trong khu vực hạn chế của cảng hàng không;

b) Nhân viên của DNDV kỹ thuật hàng không; sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không làm việc trong khu vực hạn chế của cảng hàng không;

c) Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không;

d) Nhân viên điều khiển xe và vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay;

đ) Nhân viên của DNDV vệ sinh môi trường làm việc trong khu vực hạn chế của cảng hàng không;

e) Các đối tượng khác làm việc thường xuyên tại khu vực hạn chế.

Trường hợp các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này đã được đào tạo, huấn luyện một trong các chương trình quy định tại Thông tư này thì không phải đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Điều này.

3. Chương trình đào tạo ban đầu

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về an ANHK	4
2	An ninh cảng hàng không	4
3	VPNH; người và đồ vật khả nghi	2
4	Trách nhiệm của các đơn vị liên quan đến xử lý sự cố ANHK	4
5	Văn hóa ANHK	2
	TỔNG CỘNG	16



4. Chương trình huấn luyện định kỳ

SỐ TT	BÀI HỌC (Lý thuyết)	THỜI LƯỢNG (TIẾT)
1	Hiểu biết chung về ANHK	4
2	An ninh cảng hàng không	2
3	VPNH; người và đồ vật khả nghi	1
4	Trách nhiệm của các đơn vị liên quan đến xử lý sự cố ANHK	1
	TỔNG CỘNG	8

5. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 36 tháng tính từ ngày ghi trong chứng nhận hoàn thành khóa học trước đó.

Mục 5. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN**Điều 34. Thời gian đào tạo, huấn luyện ban đầu an ninh hàng không**

Đối tượng của các chương trình đào tạo, huấn luyện ANHK quy định tại Chương III của Thông tư này phải được đào tạo, huấn luyện ban đầu ANHK trong vòng 03 (ba) tháng sau khi được ký hợp đồng làm việc.

Điều 35. Giáo trình đào tạo, huấn luyện

1. Doanh nghiệp sử dụng lao động là đối tượng đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Chương III của Thông tư này có trách nhiệm tổ chức đào tạo, huấn luyện hoặc phối hợp với các cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không thực hiện đào tạo, huấn luyện ANHK cho người lao động trong nội bộ doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo, huấn luyện thì phải biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện phù hợp với quy định tài khoản 1 Điều 17 của Thông tư này.

2. Nội dung giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện của các chương trình quy định tại Chương III của Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Thông tư này.

3. Việc quản lý, sử dụng giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện của các chương trình quy định tại Chương III của Thông tư này thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

Điều 36. Người đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

Người đào tạo, huấn luyện ANHK đào tạo, huấn luyện các chương trình đào tạo, huấn luyện ANHK quy định tại Chương III của Thông tư này phải có kiến thức tốt về ANHK và có các chứng chỉ, chứng nhận sau:

1. Có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học phù hợp với bài giảng được phân công đào tạo, huấn luyện.

2. Có văn bằng hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ hoàn thành khóa học theo quy định tại Điều 39 của Thông tư này hoặc

chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, huấn luyện người đào tạo, huấn luyện ANHK của Tổ chức HKDD quốc tế, Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế.

Điều 37. Kiểm tra, cấp chứng nhận hoàn thành khóa học

1. Kiểm tra

a) Học viên tham gia chương trình đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Chương III của Thông tư này phải làm bài kiểm tra lý thuyết khi kết thúc khoá học phù hợp với thời lượng từng khoá học, thời gian kiểm tra tối thiểu 15 phút đối với phương thức trắc nghiệm hoặc tối thiểu 60 phút đối với phương thức tự luận;

b) Điểm kiểm tra được tính theo thang điểm 100. Học viên đạt kết quả kiểm tra từ 80 điểm trở lên được công nhận hoàn thành khóa học.

2. Cấp chứng nhận:

a) Học viên hoàn thành các khóa đào tạo, huấn luyện ban đầu ANHK được đơn vị đào tạo, huấn luyện cấp chứng nhận hoàn thành khóa học theo mẫu quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Học viên hoàn thành các khóa đào tạo, huấn luyện định kỳ ANHK được đơn vị đào tạo, huấn luyện công nhận bằng văn bản.

Điều 38. Hồ sơ đào tạo, huấn luyện

1. Thành phần hồ sơ đào tạo ban đầu quy định tại Chương III của Thông tư này bao gồm:

a) Kết quả kiểm tra kết thúc khóa học;

b) Quyết định của thủ trưởng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK công nhận học viên hoàn thành khóa học;

c) Chứng nhận (bản sao) theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thành phần hồ sơ huấn luyện định kỳ quy định tại mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 Chương này bao gồm:

a) Kết quả kiểm tra kết thúc khoá học;

b) Quyết định của thủ trưởng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK công nhận học viên hoàn thành khóa học.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 39. Đào tạo ban đầu nghiệp vụ đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Mục tiêu: trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng chuẩn bị, sử dụng tài liệu, trang thiết bị đào tạo, huấn luyện, tổ chức lớp, phương pháp đào tạo, huấn luyện về ANHK.

2. Đối tượng: người được lựa chọn làm người đào tạo, huấn luyện viên ANHK.

3. Chương trình đào tạo ban đầu:

SỐ TT	Bài học	Thời gian		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Quy định của pháp luật về ANHK; Văn hóa ANHK;	4	4	0
2	Quy định của pháp luật về đào tạo, huấn luyện ANHK	4	4	0
3	Chương trình ANHK của cảng hàng không, hãng hàng không Việt Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	8	8	0
4	Vai trò của người đào tạo, huấn luyện ANHK	4	4	0
5	Nguyên tắc học tập và đào tạo, huấn luyện	4	4	0
6	Chuẩn bị và tổ chức khóa học ANHK	4	4	0
7	Chuẩn bị, sử dụng trang, thiết bị đào tạo, huấn luyện ANHK	4	2	2
8	Quá trình kiểm tra và cấp chứng nhận	4	4	0
9	Kỹ năng trình bày giáo trình, tài liệu ANHK	8	4	4
10	Đánh giá kết quả	4	4	0
11	Thực hành đào tạo, huấn luyện	8	0	8
Tổng cộng		56	42	14

Điều 40. Huấn luyện định kỳ nghiệp vụ đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Mục tiêu: cập nhật cho học viên kiến thức, kỹ năng chuẩn bị, sử dụng tài liệu, trang thiết bị đào tạo, huấn luyện, tổ chức lớp, phương pháp đào tạo, huấn luyện về ANHK.

2. Đối tượng: người đào tạo, huấn luyện ANHK.

3. Chương trình huấn luyện

SỐ TT	Bài học	Thời gian		
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
1	Quy định của pháp luật về ANHK	2	2	0
2	Quy định của pháp luật về đào tạo, huấn luyện ANHK	2	2	0

3	Chương trình ANHK của cảng hàng không, hãng hàng không Việt Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không	4	4	0
4	Chuẩn bị và tổ chức khóa học ANHK	2	0	2
5	Thực hành đào tạo, huấn luyện	6	0	6
Tổng cộng		16	8	8

4. Thời hạn huấn luyện định kỳ: không quá 24 tháng tính từ ngày ghi trong chứng chỉ hoàn thành khóa học trước đó.

5. Người có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học người đào tạo, huấn luyện ANHK do Tổ chức HKDD quốc tế hoặc Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế cấp, thì:

a) Không phải tham dự các khóa đào tạo ban đầu nghiệp vụ đào tạo, huấn luyện ANHK;

b) Thời điểm được cấp chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học người đào tạo, huấn luyện ANHK do Tổ chức HKDD quốc tế hoặc Hiệp hội vận tải HKDD quốc tế cấp là mốc thời gian để tính thời hạn huấn luyện định kỳ tiếp theo.

6. Trường hợp người đào tạo, huấn luyện ANHK là người có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ANHK từ 05 (năm) năm trở lên và duy trì đào tạo, huấn luyện ít nhất 01 (một) khóa đào tạo, huấn luyện ANHK hàng năm thì không phải tham dự huấn luyện định kỳ nghiệp vụ đào tạo, huấn luyện ANHK.

Điều 41. Giáo trình đào tạo, huấn luyện

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK có nhu cầu đào tạo, huấn luyện các chương trình quy định tại các Điều 39 và Điều 40 của Thông tư này phải tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

2. Việc quản lý giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện được thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Thông tư này.

Điều 42. Người đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

Đơn vị tổ chức đào tạo, huấn luyện các chương trình quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Thông tư này phải lựa chọn người đào tạo, huấn luyện ANHK hoặc người có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực liên quan đến nội dung đào tạo, huấn luyện tối thiểu 05 (năm) năm.

Điều 43. Kiểm tra, cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học

1. Kiểm tra

a) Học viên tham gia chương trình đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Chương IV của Thông tư này phải làm bài kiểm tra lý thuyết khi kết thúc

khoá học phù hợp với thời lượng từng khoá học, thời gian kiểm tra tối thiểu 30 phút đối với phương thức trắc nghiệm hoặc tối thiểu 120 phút đối với phương thức tự luận;

b) Điểm kiểm tra được tính theo thang điểm 100. Học viên đạt kết quả kiểm tra từ 80 điểm trở lên được công nhận hoàn thành khóa học.

2. Cấp chứng chỉ:

a) Học viên hoàn thành các khóa đào tạo ban đầu được đơn vị tổ chức đào tạo, huấn luyện cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Học viên hoàn thành các khóa huấn luyện định kỳ được đơn vị tổ chức đào tạo, huấn luyện công nhận bằng văn bản.

Điều 44. Hồ sơ đào tạo, huấn luyện

Hồ sơ đào tạo, huấn luyện ban đầu và định kỳ đối với các chương trình đào tạo, huấn luyện quy định tại Chương này thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21 của Thông tư này.

CHƯƠNG V

CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 45. Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện ANHK phù hợp;

b) Đội ngũ người đào tạo, huấn luyện ANHK phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện ANHK, đáp ứng quy định tại Điều 18 của Thông tư này;

c) Chương trình đào tạo, huấn luyện đáp ứng quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Hệ thống giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện và đáp ứng quy định tại Điều 17 của Thông tư này;

đ) Thiết bị, dụng cụ đào tạo, huấn luyện thực hành phù hợp với nội dung đào tạo, huấn luyện ANHK, đáp ứng quy định tại Điều 19 Thông tư này;

e) Đảm bảo các điều kiện: phòng học có đủ diện tích, ánh sáng, độ thông thoáng, có đủ thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị khác để phục vụ cho việc đào tạo, huấn luyện, học tập; có nơi thực hành đảm bảo diện tích, không gian phù hợp với thiết bị, dụng cụ đào tạo, huấn luyện thực hành và nội dung thực hành; có thư viện với đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, đào tạo, huấn luyện và học tập.

2. Nhà chức trách ANHK cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK cho các cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK trong và ngoài lực

Luul

lượng Công an nhân dân khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 của Thông tư này.

Điều 46. Chấp thuận người đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Người đào tạo, huấn luyện ANHK đào tạo, huấn luyện các chương trình quy định tại Chương II và Chương IV của Thông tư này được Nhà chức trách ANHK đánh giá, chấp thuận đồng thời với quá trình thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK.

2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ người đào tạo, huấn luyện ANHK và chỉ được bố trí người đào tạo, huấn luyện ANHK đã được thẩm định, chấp thuận trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK. Trong trường hợp sau khi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK mà có sự thay đổi về danh sách người đào tạo, huấn luyện ANHK, cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK phải báo cáo Nhà chức trách ANHK theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Thông tư này.

Điều 47. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Đơn vị đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Nhà chức trách ANHK. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu giải trình tổ chức đào tạo, huấn luyện về việc đáp ứng yêu cầu tại Điều 45 của Thông tư này gồm có:

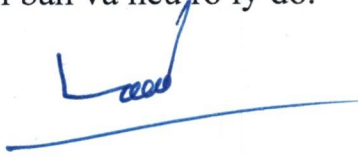
- Báo cáo về tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý đào tạo, huấn luyện ANHK;

- Báo cáo về đội ngũ người đào tạo, huấn luyện ANHK, danh sách trích ngang kèm theo hồ sơ năng lực, văn bằng, chứng chỉ liên quan của từng người đào tạo, huấn luyện;

- Báo cáo về hệ thống chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học;

- Báo cáo về hệ thống phòng học, thư viện, nơi thực hành kèm theo thiết bị và dụng cụ thực hành phù hợp với nội dung đào tạo, huấn luyện.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Nhà chức trách ANHK thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế; yêu cầu đơn vị đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan, chỉnh sửa tài liệu; cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK cho đơn vị đề nghị theo Mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.



4. Đối với đơn vị đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK, khi thay đổi bất kỳ yếu tố nào liên quan đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận, đơn vị đó phải triển khai thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Điều 48 của Thông tư này.

Điều 48. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong trường hợp bị mất, rách, hỏng hoặc có thay đổi trong nội dung Giấy chứng nhận hoặc thay đổi bất kỳ yếu tố nào liên quan đến điều kiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu quy định tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (nếu có).

3. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất, rách, hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Nhà chức trách ANHK cấp lại Giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, Nhà chức trách ANHK thẩm định hồ sơ, kiểm tra đánh giá thực tế cơ sở; yêu cầu người đề nghị giải trình bổ sung các nội dung liên quan; cấp lại Giấy chứng nhận hoặc thông báo từ chối cấp lại giấy chứng nhận bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 49. Hủy bỏ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Giấy chứng nhận bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:

a) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK;

b) Cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

c) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận;

d) Cố ý vi phạm các quy định về bảo đảm ANHK;

đ) Không duy trì đủ điều kiện theo Giấy chứng nhận đã được cấp;

e) Giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa.

2. Trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hủy bỏ, Nhà chức trách ANHK ra quyết định hủy bỏ Giấy chứng nhận; cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK phải chấm dứt ngay hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK theo quyết định của Nhà chức trách ANHK.

Chương VI

ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN TRỰC TUYẾN AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 50. Hạ tầng công nghệ thông tin đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không trực tuyến

1. Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý và tổ chức đào tạo, huấn luyện trực tuyến phải bảo đảm:

a) Đường truyền Internet phải đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng, không để xảy ra hiện tượng nghẽn mạng hay quá tải.

b) Thiết bị kết nối, máy tính, thiết bị đầu cuối có cấu hình phù hợp để cài đặt phần mềm đào tạo, huấn luyện trực tuyến.

c) An toàn thông tin, bảo mật đối với chương trình, tài liệu đào tạo, huấn luyện thuộc tài liệu hạn chế theo quy định của pháp luật.

2. Phần mềm đào tạo, huấn luyện trực tuyến tổ chức lớp học trên không gian mạng phải đảm bảo chức năng sau:

a) Giúp người đào tạo, huấn luyện ANHK giảng bài, tổ chức lưu trữ, chuyển tải học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến tới học viên; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; theo dõi và hỗ trợ học viên khai thác nội dung học tập từ học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học viên trong quá trình học tập.

b) Giúp học viên truy cập, khai thác nội dung học tập từ học liệu đào tạo, huấn luyện trực tuyến; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của người đào tạo, huấn luyện ANHK; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với người đào tạo, huấn luyện ANHK và các học viên khác trong không gian học tập.

c) Cho phép cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của học viên và các hoạt động dạy của người đào tạo, huấn luyện ANHK; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK và cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo, huấn luyện ANHK.

Điều 51. Nội dung đào tạo, huấn luyện trực tuyến, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, lưu hồ sơ

1. Đào tạo, huấn luyện trực tuyến chỉ được áp dụng đối với các môn học lý thuyết.

2. Giáo trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến phải tuân thủ các nội dung của chương trình đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Thông tư này.

3. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo hình thức trực tuyến phải bảo đảm chính xác, công bằng, khách quan.

4. Hồ sơ đào tạo, huấn luyện trực tuyến được quản lý và lưu trữ tại cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK gồm có:



- a) Hồ sơ có liên quan đến giáo trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến;
- b) Dữ liệu về quá trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến;
- c) Kế hoạch đào tạo, huấn luyện trực tuyến tại cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK;
- d) Hồ sơ kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học viên.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 52. Trách nhiệm của Cục Quản lý xuất nhập cảnh

1. Giám sát các cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện Thông tư này.
2. Tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK của cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK, các doanh nghiệp, đơn vị trong ngành hàng không.
3. Tổ chức công tác đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 215/2026/NĐ-CP ngày 18/6/2026 của Chính phủ về an ninh hàng không khi đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này.
4. Hợp tác quốc tế về đào tạo, huấn luyện ANHK tại Việt Nam.
5. Căn cứ nhiệm vụ được giao, hàng năm, Cục Quản lý xuất nhập cảnh xây dựng dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Bộ Công an phê duyệt để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 52 của Thông tư này.

Điều 53. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

1. Tổ chức thực hiện đào tạo, huấn luyện phù hợp với Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK được cấp và quy định tại Thông tư này.
2. Phối hợp với các doanh nghiệp có lực lượng kiểm soát ANHK tổ chức đào tạo, huấn luyện cho các đối tượng được quy định tại Chương II của Thông tư này.
3. Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện ANHK; đào tạo, huấn luyện, cập nhật kiến thức ANHK, kiến thức pháp luật, kỹ năng đào tạo, huấn luyện cho người đào tạo, huấn luyện ANHK.
4. Tổng hợp, báo cáo Cục Quản lý xuất nhập cảnh kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK, chi tiết báo cáo như sau:
 - a) Tên báo cáo: báo cáo kết quả hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK;
 - b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này;



c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được gửi trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15/12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến 14/12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Lưu giữ hồ sơ đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Thông tư này.

6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Nhà chức trách ANHK và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

Điều 54. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, đơn vị trong việc đào tạo, huấn luyện an ninh hàng không

Các doanh nghiệp, đơn vị trong ngành hàng không có trách nhiệm:

1. Bố trí đủ nguồn lực, thời gian và triển khai thực hiện công tác đào tạo, huấn luyện cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp có lực lượng kiểm soát ANHK không đảm bảo đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 45 của Thông tư này thì phối hợp với các cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK tổ chức đào tạo, huấn luyện cho các đối tượng được quy định tại Chương II và Chương IV của Thông tư này.

3. Lưu giữ hồ sơ đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định tại Thông tư này.

4. Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện ANHK.

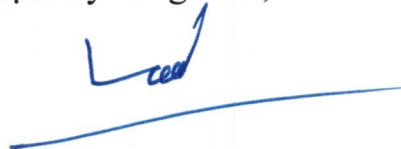
5. Tổng hợp báo cáo Cục Quản lý xuất nhập cảnh kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến kết quả thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;



- đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;
 - e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;
 - g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.
6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Nhà chức trách ANHK và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành.
7. Tự bảo đảm toàn bộ kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 54 của Thông tư này.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Giám đốc Công an địa phương có cảng hàng không, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 56. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đối tượng đã có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoặc quyết định công nhận hoàn thành khóa học ANHK trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không phải đào tạo, huấn luyện chương trình tương ứng tại Thông tư này.
2. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng không có trách nhiệm hoàn thiện giáo trình đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Thông tư này chậm nhất là ngày 31/3/2027 và được phép sử dụng chương trình, giáo trình đào tạo, huấn luyện ANHK theo quy định tại Thông tư số 34/2022/TT-BGTVT ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ANHK Việt Nam cho đến khi hoàn thiện giáo trình theo quy định tại Thông tư này.
3. Các khóa đào tạo, huấn luyện ANHK đã triển khai trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi hoàn thành.
4. Cán bộ, công chức, viên chức đã đảm nhiệm các nhiệm vụ về ANHK trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam được tuyển chọn vào ngành Công an trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không phải thực hiện chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu quy định tại Điều 4 của Thông tư này.



5. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện ANHK được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực tiếp tục thực hiện đào tạo, huấn luyện ANHK cho đến khi được Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện ANHK theo Mẫu quy định tại Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư này, chậm nhất là ngày 31/3/2027./

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố có cảng hàng không;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, V03, A08 (P1).



Đại tướng Lương Tam Quang

PHỤ LỤC 01

MẪU CHỨNG CHỈ HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN ANHK

(Ban hành kèm theo Thông tư số 110 /2026/TT-BCA ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ
(Tiếng Anh & Tiếng Việt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
CERTIFICATE

Ảnh màu
(3x4cm)

(Đóng dấu)

Chứng nhận Ông (Bà):.....

(This is to certify that Mr/Ms)

Ngày sinh (Birthday).....

Đơn vị (Agency):.....

Đã hoàn thành khóa học (Has passed the course of):

Từ ngày (from).....đến ngày (to).....

Kết quả (result):.....

....., ngày (day).....tháng (month).....năm (year) 20.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ
(DIRECTOR/ HEAD OF CERTIFYING AGENCY)

Số Quyết định cấp chứng chỉ:
Decision No:

- Mặt ngoài màu trắng.
- Mặt trong:
 - Phôi chứng chỉ làm bằng giấy cứng nền trắng. Kích thước khung là: 21,5cm x 15,5cm, khung có màu xanh nước biển;
 - Đóng chữ CHỨNG CHỈ màu đỏ, các nội dung còn lại màu đen;
 - Giữa chứng chỉ: in chìm biểu tượng của cơ sở đào tạo, huấn luyện, doanh nghiệp cảng hàng không, hãng hàng không... (nếu có);
 - Thủ trưởng đơn vị cấp chứng chỉ ký, đóng dấu.